TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 256/2019/TLST-HNGĐ ngày 27-3-2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm 1990; thường trú: Tổ Nam Sơn 2, phường V, quận K, thành phố H; tạm trú: Số 13, đường tổ 12, khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Xuân M, sinh năm 1983; thường trú: Tổ Nam Sơn 2, phường V, quận K, thành phố H; tạm trú: Số 30/30 khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-3-2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Bùi Xuân M tự nguyện chung sống với nhau vào khoảng năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh Ng, được cấp giấy chứng nhận

đăng ký kết hôn số 17-2013, quyển số 01-2013 ngày 20-02-2013. Chị K xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, anh M ham chơi với bạn bè, không giành thời gian chăm sóc gia đình, không chăm chỉ làm ăn. Chị K đã khuyên nhủ và tha thứ nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không có tương lai cũng không có con cái để níu kéo tình cảm nên từ năm 2016 chị K chuyển ra ngoài thuê phòng trọ sống riêng, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị K và anh M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2019 bị đơn anh Bùi Xuân M trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị K đã cung cấp cho Tòa án về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian sống chung của vợ chồng. Anh M thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do anh ham chơi với bạn bè không giành thời gian chăm sóc gia đình, không chăm chỉ làm ăn, được vợ tha thứ nhiều lần nhưng do bản tính ham chơi nên anh không thay đổi được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh M và chị K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Chị Trần Thị K khởi kiện anh Bùi Xuân M yêu cầu được ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28

Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Xuân M có nơi cư trú tại phường D, thị xã D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Bùi Xuân M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, tỉnh N, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17-2013, quyển số 01-2013 ngày 20-02-2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị K xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh M ham chơi với bạn bè không chăm chỉ làm ăn, không giành thời gian chăm sóc gia đình, chị K đã tha thứ nhiều lần để vợ chồng tiếp tục sống chung nhưng anh M không thay đổi, cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên chị đã chuyển ra ngoài sống riêng từ năm 2016 đến nay và yêu cầu được ly hôn. Anh M thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh ham chơi với bạn bè không chăm chỉ làm ăn, không giành thời gian chăm sóc gia đình, được vợ tha thứ nhiều lần nhưng do bản tính ham chơi nên anh không thay đổi, từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nên anh đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị K và anh M đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cả hai đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị K và anh M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị K yêu cầu được ly hôn với anh M là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Đương sự không có con chung, không yêu cầu nên tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị K phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K đối với anh Bùi Xuân M về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K được ly hôn với anh Bùi Xuân M.

- Về con chung: Đương sự không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028287, ngày 27-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã Th, huyện T, tỉnh N;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân